TOÀ ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 3**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16/2023/HS-ST
Ngày 16/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 3

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Dương Hồng Điệp.

Các Hội thẩm quân nhân:

- 2// Vũ Quang Trung;
- 2// Triệu Văn Thanh

***Thư ký phiên tòa*:** 2/ Đỗ Văn Duy, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3.

***Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 33 tham gia phiên tòa*:** 3/ Phạm Văn Vũ, Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 16/11/2023 tại Hội trường Trại tạm giam T771, Bộ Quốc phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2023/TLST-HS ngày 18/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 03/11/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/01/1995 tại xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" từ ngày 08/7/2023 đến ngày 10/7/2023, "Tạm giam" từ ngày 11/7/2023 đến nay; có mặt.

Bị hại: Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu V, Tập đoàn Công nghiệp -Viễn thông Quân đội; địa chỉ: Đường D, quận C1, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1975; chức vụ, nơi công tác: Phó Trưởng phòng, Phòng Chính trị, Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu V, Tập đoàn Công nghiệp -Viễn thông Quân đội (địa chỉ: Đường D, quận C1, Thành phố Hà Nội); vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Y, xã T1, huyện Y1, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

2. Nguyễn Văn N; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T2, xã T3, huyện A, Hưng Yên; vắng mặt.

Những người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn G, có mặt.

+ Các anh Ngô Trung H1, Trần Văn T4, Nguyễn Tuấn L, Phạm Như P1, Trần Văn H2, Nguyễn Văn D1, Đào Văn M; ông Bùi Văn H3; chị Nguyễn Thị H4, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại cửa hàng điện thoại V1 tại địa chỉ: Thôn L1, xã L2, huyện Y1, tỉnh Hưng Yên.

Khoảng 03 giờ 43 phút ngày 30/5/2023, T trèo lên mái nhà của cửa hàng V1 dùng 01 đầu tẩu ốc vít và 01 thanh nhôm tháo mái tôn, chui vào trong cửa hàng V1. Thấy ông Bùi Văn H3 là bảo vệ đang ngủ trên nền nhà, T đi đến các bàn trưng bày điện thoại, dùng dao và kéo của cửa hàng cắt các dây nối điện thoại trưng bày với đế demo ở trên bàn và lấy 07 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc Samsung Galaxy S23 Ultra; 01 chiếc Samsung Galaxy S23 Plus; 01 chiếc Samsung Galaxy S21 FE; 01 chiếc OPPO Reno8 T; 01 chiếc Vivo V2201-V25E, 01 chiếc OPPO Reno8 T 5G và 01 chiếc Samsung A54 A546 (5G) cho vào túi quần và túi áo. Sau đó, T đi vào phòng kho để lại dao, kéo và lấy chiếc thang trèo lên trên mái, theo đường cũ chui ra ngoài. T vứt mũ, khẩu trang, áo chống nắng, đầu tẩu và thanh nhôm trợ lực ở lề đường Q, đối diện cổng Khu công nghiệp T5 rồi thuê taxi đi tiêu thụ tài sản trộm cắp được. Cụ thể T đã bán và cầm cố cho những người cụ thể như sau:

- Ngày 30/5/2023, T bán cho anh Nguyễn Tuấn L là chủ cửa hàng điện thoại Mino Mobile tại quận L3, Thành phố Hà Nội chiếc điện thoại Samsung Galaxy S21 FE với giá 1.000.000 đồng. Ngày 02/6/2023, anh L đã bán chiếc điện thoại trên cho chị Nguyễn Thị H4 với giá 6.000.000 đồng. Sau khi biết là tài sản trộm cắp chị H4 đã nộp lại chiếc điện thoại cho cơ quan công an và đã được anh L hoàn trả lại 6.000.000 đồng tiền mua chiếc điện thoại nêu trên và không yêu cầu bồi thường gì khác. Anh L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền mua bán chiếc điện thoại nêu trên.

- Ngày 30/5/2023, T bán cho anh Đào Văn M là chủ cửa hàng điện thoại BT Mobile tại quận L3, Thành phố Hà Nội chiếc điện thoại Vivo V2201-V25E với giá 2.000.000 đồng. Ngày 03/6/2023, anh M bán chiếc điện thoại trên cho anh Phạm Như P1 với giá 5.500.000 đồng. Sau khi biết là tài sản trộm cắp, anh P1 đã nộp lại cho cơ quan công an và được anh M đền bù bằng chiếc điện thoại khác và không yêu cầu bồi thường gì khác. Anh M không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền mua bán chiếc điện thoại nêu trên.

- Ngày 30/5/2023, T bán cho anh Nguyễn Văn N ở huyện A, tỉnh Hưng Yên chiếc điện thoại OPPO Reno8 T và Samsung Galaxy A54 A546 với tổng giá trị là 8.000.000 đồng. Sau khi biết là tài sản trộm cắp, anh N đã nộp lại cho cơ quan

công an và ngày 22/9/2023 anh N đã được gia đình bị cáo hoàn trả 8.000.000 đồng nêu trên.

- Khoảng 14 giờ ngày 01/6/2023, T cầm cố chiếc điện thoại Samsung Galaxy S23 Plus và Samsung Galaxy S23 Ultra tại một cửa hàng điện thoại ở Thành phố Hà Nội được 13.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ ngày 02/6/2023, T thuê anh Trần Văn H2 chở đi chuộc lại 02 chiếc điện thoại và nhờ H2 trả 13.000.000 đồng tiền chuộc, giữ hộ 02 chiếc điện thoại trên. Khoảng 23 giờ ngày 03/6/2023, T đến gặp H2 lấy chiếc điện thoại Samsung Galaxy S23 Plus để cầm cố cho anh Nguyễn Ngọc A1 được 10.000.000 đồng và nhờ anh A1 chuyển khoản số tiền trên vào số tài khoản của H2. Nhận được tiền, H2 đưa lại cho T 2.000.000 đồng, còn 8.000.000 đồng T trả tiền vay H2.

- Khoảng 11 giờ ngày 04/6/2023, T nhờ H2 chở đến nhà A1 để cầm cố cho A1 chiếc điện thoại Samsung Galaxy S23 Ultra với giá 14.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T lấy 9.000.000 đồng và trả H2 5.500.000 đồng (trong đó 5.000.000 đồng tiền vay và 500.000 đồng tiền thuê xe). Ngày 27/6/2023, A1 đã đổi chiếc điện thoại Samsung Galaxy S23 Plus lấy chiếc điện thoại Iphone 12 Promax của Nguyễn Văn D1. Khi biết là tài sản trộm cắp A1 và D1 đã nộp lại 02 chiếc điện thoại trên cho cơ quan công an. Sau đó, A1 đã trả lại D1 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax. Ngày 22/9/2023, A1 đã được gia đình bị cáo hoàn trả 24.500.000 đồng nêu trên.

- Đối với chiếc điện thoại OPPO Reno8 T 5G, ngày 30/5/2023, T bán cho một cửa hàng điện thoại tại huyện V2, tỉnh Hưng Yên (T không nhớ địa chỉ) với giá 1.600.000 đồng, cơ quan tiến hành tố tụng không thu giữ được chiếc điện thoại này.

Sau khi xảy ra vụ án, ngày 08/7/2023 Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y1, tỉnh Hưng Yên đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Ngoài những nội dung nêu trên, bị cáo T còn khai nhận: Do tôi biết được cách bố trí của cửa hàng nên tôi dỡ mái tôn phía trên nhà vệ sinh để tôi leo vào trong cửa hàng; tất cả tài sản lấy được đều nguyên vẹn và không có hỏng hóc gì, những chiếc điện thoại này đang được nối với dây điện ở trên bàn trưng bày. Tôi thực hiện hành vi phạm tội một mình, không bàn bạc với ai, không nói cho ai biết, không có ai giúp sức, xúi giục hay đe dọa tôi. Sau khi lấy được tài sản, tôi đã thuê xe taxi đang đỗ ở lề đường để đi đến khu vực Trung tâm thương mại B. Đến nơi, tôi thuê xe ôm đi tìm quán điện thoại để bán, cắm lấy tiền. Tất cả những người tôi bán, cầm cố điện thoại tại Hà Nội và ở V2, Hưng Yên tôi đều không biết họ. Tôi sử dụng điện thoại mà tôi lấy được lắp sim của tôi để liên lạc giao dịch cầm cố. Khi bán và cầm cố các điện thoại tôi không nói cho họ biết nguồn gốc về chiếc điện thoại này. Những lần nhờ anh H2 chở xe taxi đi cầm cố, chuộc và đi cùng T4 đến nhà anh A1 để cầm cố tôi đều không nói cho anh H2 và T4 biết tài sản đó là tôi do trộm cắp mà có. Số tiền tôi bán, cầm cố điện thoại, tôi đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi xảy ra sự việc, gia đình tôi đã cho tôi

tiền để bồi thường cho cửa hàng và hoàn trả cho anh A1 và N. Tôi có bác ruột là liệt sĩ, bà ngoại là Mẹ Việt Nam anh hùng; bản thân tôi và bố, mẹ tôi không được khen thưởng hay có thành tích xuất sắc gì.

Ngoài những nội dung nêu trên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Ngọc A1 còn khai: Khoảng 21 giờ ngày 03/6/2023, Trần Văn T4 cùng T đến nhà tôi chơi, uống nước. Đến khoảng 23 giờ thì T bảo tôi có 01 chiếc điện thoại đã cắm lấy lãi cao, muốn cắm lại cho tôi, tôi đồng ý và lấy xe máy chở T đến quán Internet ở thôn H5, xã T1, huyện Y1, tỉnh Hưng Yên. Tại đây, T đưa chiếc điện thoại Samsung Galaxy S23 Plus màu tím cho tôi và bảo tôi chuyển trả chủ quán Internet 10.000.000 đồng. Khoảng 11 giờ ngày 04/6/2023, T cắm thêm chiếc điện thoại Samsung Galaxy S23 Ultra cho tôi với số tiền 14.500.000 đồng và thỏa thuận sau 10 ngày nếu T không đến chuộc thì tôi bán. Ngày 27/6/2023, do không liên lạc được với T nên tôi đã đổi máy Samsung Galaxy S23 Plus lấy máy Iphone 12 Promax của D1 (là em trai tôi). Sau khi biết là tài sản trộm cắp, tôi và D1 đã đem nộp lại 02 chiếc điện thoại nêu trên cho công an.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn N khai tại cơ quan điều tra có nội dung: Tối ngày 30/5/2023, T tới nhà tôi nói với tôi có 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A54 A546 và Oppo Reno 8T muốn bán lấy tiền. Sau thỏa thuận, tôi mua 02 chiếc điện thoại trên với giá 8.000.000 đồng. Sau khi làm việc cơ quan công an, tôi mới biết 02 chiếc điện thoại trên là do T trộm cắp và tôi đã nộp lại. Tôi đã được gia đình T hoàn trả 8.000.000 đồng, tôi nhất trí và không có ý kiến gì khác về phần dân sự.

Lời khai của người làm chứng Trần Văn H2 tại cơ quan điều tra có nội dung: Khoảng 15 giờ ngày 02/6/2023, T đến thuê tôi chở đi Hà Nội để chuộc lại 02 chiếc điện thoại, tôi cho T mượn 13.000.000 đồng để chuộc điện thoại, sau đó tôi cầm 02 chiếc điện thoại giúp T, tôi lấy tiền xe 500.000 đồng. Đến 23 giờ ngày 03/6/2023, T đến gặp tôi lấy 02 chiếc điện thoại và nhờ tài khoản của tôi để chuyển 10.000.000 đồng, nhận được tiền tôi đưa cho T 2.000.000 đồng, tôi giữ lại 8.000.000 đồng. Đến 11 giờ ngày 04/6/2023, T nhờ tôi chở đi bán điện thoại, sau đó T về trả tôi 5.500.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền nợ và 500.000 tiền thuê xe của tôi. Tôi chỉ biết 02 chiếc điện thoại nêu trên là do T trộm cắp được khi làm việc với công an.

Lời khai của người làm chứng Trần Văn T4 tại cơ quan điều tra có nội dung: Tôi là bạn cùng thôn với T, khoảng 21 giờ ngày 03/6/2023 T nhắn cho tôi đến đón T ở C2 và T đưa cho tôi 01 triệu đồng để trả nợ tôi từ năm 2022 và hỏi "Có bạn bè nào gần đây không đi chơi", tôi bảo T là vào nhà anh Nguyễn Ngọc A1 ngồi uống nước. Tại nhà anh A1, T đã cắm cho anh A1 01 chiếc điện thoại. Tôi không biết đặc điểm, nguồn gốc chiếc điện thoại do đâu mà T có được.

Lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị hại trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Bị hại đã nhận lại 06 chiếc điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt và 6.367.500 đồng tiền bồi thường của gia đình bị cáo nên không yêu cầu bị cáo

phải bồi thường thêm khoản gì khác, tôi mong tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KL-ĐG ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện Y1, tỉnh Hưng Yên kết luận: 07 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc Samsung Galaxy S23 Ultra; 01 chiếc Samsung Galaxy S23 Plus; 01 chiếc Samsung Galaxy S21 FE; 01 chiếc OPPO Reno8 T; 01 chiếc Vivo V2201-V25E, 01 chiếc OPPO Reno8 T 5G và 01 chiếc Samsung A54 A546 đều là bản đề mô trưng bày đã qua sử dụng. Tổng giá trị các tài sản nêu trên là 64.200.000 đồng.

Ngoài ra, lời khai của những người làm chứng Ngô Trung H1, Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Thị H4, Phạm Như P1, Nguyễn Văn D1, Đào Văn M, Nguyễn Văn G, Bùi Văn H3 và các chứng cứ tài liệu khác đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSKV33 ngày 17/10/2023 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 33 đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Trong phần luận tội, KSV phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án; nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS). Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, KSV đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS xử phạt Nguyễn Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Về các biện pháp tư pháp: Ghi nhận bị cáo T đã nhờ gia đình thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền 6.367.500 đồng; bồi hoàn cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Ngọc A1 24.500.000 đồng; Nguyễn Văn N 8.000.000 đồng. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận đủ số tiền trên theo các biên bản ngày 22/9/2023, 16/10/2023.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 06 chiếc điện thoại bị chiếm đoạt có đặc điểm như các Biên bản làm việc, Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật và giữ liệu điện tử ngày 08/7/2023, 09/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y1, tỉnh Hưng Yên đã được cơ quan tiến hành tố tụng thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu; đối với 01 đầu tẩu ốc vít, 01 thanh nhôm, 01 con dao và 01 chiếc kéo là công cụ phạm tội; 01 chiếc điện thoại OPPO Reno8T 5G là tài sản bị chiếm đoạt nhưng không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với nội dung lời luận tội của KSV.

Bị cáo nói lời sau cùng tỏ ra rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[01] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y1, tỉnh Hưng Yên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y1, tỉnh Hưng Yên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 Các tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát quân sự khu vực 33, Điều tra viên, Kiểm sát viên quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[02] Lời khai của bị cáo; người đại diện theo ủy quyền của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; những người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa hoàn toàn khách quan, phù hợp với nhau. Nội dung lời luận tội và tranh luận của KSV là có căn cứ pháp luật.

Từ các căn cứ nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 03 giờ 43 phút ngày 30/5/2023, Nguyễn Văn T dùng 01 đầu tẩu ốc vít và 01 thanh nhôm tháo mái tôn, chui vào trong cửa hàng V1 có địa chỉ tại Thôn L1, xã L2, huyện Y1, tỉnh Hưng Yên; lén lút dùng dao và kéo của cửa hàng cắt các dây nối điện thoại trưng bày với đế demo ở trên bàn và lấy 07 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc Samsung Galaxy S23 Ultra; 01 chiếc Samsung Galaxy S23 Plus; 01 chiếc Samsung Galaxy S21 FE; 01 chiếc OPPO Reno8 T; 01 chiếc Vivo V2201-V25E, 01 chiếc OPPO Reno8 T 5G và 01 chiếc Samsung A54 A546 (5G) có tổng trị giá 64.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS.

[03] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS; nhân thân và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo.

+ Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

+ Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bồi hoàn xong cho những người có quyền lợi liên quan đến vụ án; đầu thú; người đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo các điểm b, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, bị cáo có bác ruột là liệt sĩ, bà ngoại là Mẹ Việt Nam anh hùng.

+ Về nhân thân và hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; gia đình cơ bản.

[04] Tính chất vụ án là nghiêm trọng; chỉ vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã có hành vi xâm phạm trái phép đến tài sản của của Nhà nước do quân đội quản lý được pháp luật bảo vệ. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, HĐXX thấy rằng cần áp dụng hình phạt tương xứng nhưng không cần thiết cách ly xã hội, căn cứ khoản 1 Điều 38; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo vẫn đảm bảo để bị cáo giáo dục, cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 của BLHS về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 thì bị cáo phải chịu thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt tù nhưng không được dưới 01 năm và không được quá 05 năm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[05] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của BLHS; khoản 1 của các Điều 584, 585, 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự thì bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nhờ gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền là 6.367.500 đồng; bồi hoàn xong cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Ngọc A1 24.500.000 đồng; Nguyễn Văn N 8.000.000 đồng. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận đủ số tiền trên theo các Biên bản bồi thường thiệt hại ngày 22/9/2023, 16/10/2023. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ S (Công ty) và ông Bùi Văn H3 đề nghị bị cáo phải hoàn trả số tiền mà Công ty và ông H3 đã bồi thường cho bị hại. Xét thấy đây là quan hệ hợp đồng lao động và dân sự khác giữa ông H3 và Công ty, giữa Công ty và bị hại; ngoài ra ngày 13/11/2023 ông H3 và Công ty có đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị H4 và anh Phạm Như P1 là người mua lại điện thoại Samsung Galaxy S21 FE, Vivo V2201-V25E ở các cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Tuấn L, Đào Văn M nhưng không biết đó là tài sản trộm cắp. Sau khi biết được nguồn gốc của tài sản trên, chị H4 và anh P1 đã nộp lại cho cơ quan pháp luật; chị H4 được anh L trả lại tiền mua điện thoại; anh P1 được anh

M đổi cho chiếc điện thoại khác. Các anh L, M không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả tiền đã mua bán điện thoại; chị H4, anh P1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[06] Về xử lý vật chứng: Đối với 06 chiếc điện thoại bị chiếm đoạt có đặc điểm như các Biên bản làm việc, Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật và giữ liệu điện tử ngày 08/7/2023, 09/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y1, tỉnh Hưng Yên đã được cơ quan tiến hành tố tụng thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; đối với 01 đầu tẩu ốc vít, 01 thanh nhôm, 01 con dao và 01 chiếc kéo là công cụ phạm tội và 01 chiếc điện thoại OPPO Reno8T 5G là tài sản bị chiếm đoạt nhưng không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

[07] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 của BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS xử phạt Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp tư pháp

Ghi nhận quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã nhờ gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền là 6.367.500 (sáu triệu, ba trăm sáu mươi bẩy nghìn, năm trăm) đồng; bồi hoàn cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Ngọc A1 24.500.000 (hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng; Nguyễn Văn N 8.000.000 (tám triệu) đồng. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận đủ số tiền trên theo các Biên bản bồi thường thiệt hại ngày 22/9/2023, 16/10/2023.

3. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2023) đối với bị cáo và kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; bị cáo, bị hại và đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 3./

Nơi nhận:
- Bị cáo; (1)
- Bị hại;(1)
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; (02)
- Viện kiểm sát quân sự Khu vực 33;(1)
- Viện kiểm sát quân sự QK3;(1)
- Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 CTCSN,BQP;(1)
- Cơ quan THAHS Công an huyện A, tỉnh Hưng Yên; (1)
- UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên;(2)
- Phòng Thi hành án Quân khu 3;(2)
- Tòa án quân sự Trung ương;(2)
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu tiểu hồ sơ.(2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

3// Dương Hồng Điệp